TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2025
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Cẩm Tú

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang: Ông Phạm Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Mỹ L, sinh năm 1989 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh H, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Mỹ L trình bày*:**

Về hôn nhân: Chị Trương Mỹ L và anh Võ Thanh T *(Gọi tắt là chị L, anh T)* tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 2012 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang *(Nay thuộc xã Vĩnh H, tỉnh An G)* ngày

30/8/2013. Sau khi cưới vợ chồng chị L, anh T sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp. Anh T thường tụ tập bạn bè uống rượu, khi say rượu về nhà anh T thể hiện tính gia trưởng, ghen tuông vô cớ. Từ đó, anh T nhiều lần dùng lời chửi xúc phạm đến chị và mẹ ruột chị L thậm tệ và nhiều lần dùng bạo lực đối với chị L. Sự việc cũng được chính quyền địa phương hàn gắn nhưng không thành, nên vợ chồng anh, chị tự ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L, anh T có 02 người con chung Võ Thanh Bảo, sinh ngày 15/12/2013 và Võ Thanh Trọng, sinh ngày 13/9/2018. Theo đơn khởi kiện vợ chồng ly hôn chị L yêu cầu được nuôi các con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi tháng 4.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L thay đổi, chị yêu cầu nuôi các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị L làm nghề buôn bán bánh, mỗi ngày thu nhạp từ 200.000đ đến 300.000đ đảm bảo đủ tiền nuôi các con ăn học.

Về chia tài sản chung: Chị L, anh T không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn anh Võ Thanh T được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, anh T thường uống rượu, mỗi khi say rượu về nhà là thể hiện tính gia trưởng, ghen tuông, dùng lời chửi bới xúc phạm chị và mẹ ruột chị L, dùng bạo lực đối với chị L. Từ khi ly thần năm 2021 đến nay, anh T đi làm thuê gửi tiền về cho con hai lần, được 5.000.000 đồng để cho chị L mua cặp sách cho các con đi học (mới gửi tiền cách đây 05 ngày). Vợ chồng ly hôn chị L yêu cầu được nuôi 02 người con chung Võ Thanh Bảo, Võ Thanh Trọng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về chia sản chung, không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T; giao con chung Võ Thanh Bảo, Võ Thanh Trọng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thanh Bảo, Thanh Trọng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính xã Vĩnh H, tỉnh An G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 6 xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân của chị L và anh T được xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quan ở địa phương năm 2012 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 30/8/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị L, anh T là hợp pháp.

Lý do chị L yêu cầu ly hôn với anh T, do bất đồng qun điểm sống, không hợp. Anh T thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, mỗi khi say rượu về nhà, anh thể hiện tính gia trưởng, ghen tuông vô cớ, từ đó anh dùng bạo lực đối với chị L. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng anh T không sửa đổi nên anh, chị tự ly thân từ năm 2021 đến nay. Tình trạng hôn nhân của chị L, anh T cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L, anh T là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống gia đình. Lẽ ra, các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẽ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

nghĩ nên cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Về con chung: Chị L, anh T có 02 người con chung Võ Thanh Bảo, sinh ngày 15/12/2013 và Võ Thanh Trọng, sinh ngày 13/9/2018. Vợ chồng ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung Thanh Bảo, Thanh Trọng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai cháu Thanh Bảo, Thanh Trọng có nguyện vọng được sống với chị L khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy các cháu Thanh Bảo, Thanh Trọng hiện đang sống với chị L và được chị cho đi học, cháu đã quen và thích nghi với môi trường sống bên chị L nên giao các cháu Thanh Bảo, Thanh Trọng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thanh Bảo, Thanh Trọng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị L, anh T không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Mỹ L được ly hôn với anh Võ Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Võ Thanh Bảo, sinh ngày 15/12/2013 và Võ Thanh Trọng, sinh ngày 13/9/2018 (Hiện các con đang sống với chị L) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Anh Võ Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Chị L, anh T không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Mỹ L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Linh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014034 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng